

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHÚ T  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 125/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 01 - 4 - 2021

*“V/v ly hôn giữa*

*Bà Tr và ông B”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ T, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Ngọc Thảo.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Nguyễn Thị Kim Chi.

Bà Nguyễn Thúy Phương.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Thiện Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú T, tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú T, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Hoài – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 04 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện Phú T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 353/2020/TLST-HNGĐ ngày 06/10/2020 về tranh chấp *“Ly hôn, nuôi con khi ly hôn”* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 22 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Bà Phạm Thị Huỳnh Tr, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Tổ 01, ấp Cái T, thị trấn Phú M, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

**2. Bị đơn:** Ông Lâm Gia B, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Tổ 02, ấp Mỹ L, thị trấn Phú M, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

(Các đương sự vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn xin ly hôn ngày 06/10/2020 nguyên đơn Bà Phạm Thị Huỳnh Tr trình bày:*

Hôn nhân của Bà Tr và ông B do tìm hiểu rồi thành vợ chồng, được cha mẹ hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới ngày 20/04/2010(al) và được Ủy ban nhân dân thị trấn Phú M cấp giấy đăng ký kết hôn số 224 ngày 27/10/2010. Vợ chồng chung

sống hạnh phúc đến khi sinh con gái được 06 tháng tuổi thì phát sinh mâu thuẫn do ông B ăn chơi cờ bạc, tiền làm ra bao nhiêu cũng tiêu xài cá nhân, ông B lại có lối sống không chung thủy, vợ chồng vì thế cãi nhau sự việc kéo dài trong nhiều năm, đời sống vợ chồng ngày càng trầm trọng, Bà Tr và ông B không tìm được tiếng nói chung. Năm 2018 Bà Tr đã nộp đơn ly hôn với ông B hết 01 lần nhưng sau đó rút đơn để vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng ông B vẫn không thay đổi. Tháng 05/2011 Bà Tr bỏ nhà đi, vợ chồng ly thân từ đó. Nay nhận thấy tình cảm không còn Bà Tr yêu cầu ly hôn với ông B.

Về con chung: 01 con chung tên Lâm Ngọc M, sinh ngày 15/10/2010. Con chung hiện đang sống với Bà Tr, khi ly hôn nếu con chung muốn sống với ai thì người đó nuôi, không cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có. Ngày 15/03/2021 Bà Tr có đơn xin vắng mặt.

Ông Lâm Gia B vắng mặt từ khi Tòa án thụ lý vụ án nên không có ý kiến trình bày.

Tòa án tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân vợ chồng Bà Tr – ông B được ông Nguyễn Thanh T – Trưởng ấp Mỹ L cho biết ông B, Bà Tr là vợ chồng, ông B hiện vẫn còn đăng ký hộ khẩu và sinh sống tại ấp Mỹ L, thị trấn Phú M, huyện Phú T, tỉnh An Giang. Ông B làm tài xế xe nên không thường xuyên ở nhà, nhà đóng cửa không ai nhận thay thông báo hay các quyết định của Tòa. Về tình trạng hôn nhân của ông B, Bà Tr thì địa phương không rõ.

*Tại phiên tòa, kiểm sát viên phát biểu về quá trình tiến hành tố tụng và đề xuất như sau:*

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật, Tuy nhiên ông B vắng mặt từ khi được thông báo các văn bản tố tụng, nhưng ông không có mặt là chấp hành pháp luật chưa nghiêm.

- Về việc giải quyết vụ án: Hôn nhân của Bà Tr và ông B được xác lập trên cơ sở tự tìm hiểu, hôn nhân có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ; quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và ly thân, từ khi ly thân đến nay không hàn gắn được. Nên yêu cầu ly hôn của Bà Tr là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Về con chung: Hiện tại đang sống với Bà Tr, cháu Ngọc Minh chưa thành niên nhưng có nguyện vọng sống chung với mẹ, ông B vắng mặt không ý kiến trình bày. Đề nghị HĐXX giao con chung cho Bà Tr tiếp tục nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, Nợ chung: Không có.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp: Bà Tr khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông B nên quan hệ tranh chấp của vụ án là “*Ly hôn, nuôi con khi ly hôn*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông B được tổng đạt các văn bản tố tụng, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa, nhưng ông không có mặt nên HĐXX xét xử vắng mặt ông theo Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, hiện tại ông B có nơi cư trú tại ấp Mỹ L, thị trấn Phú M, huyện Phú T, tỉnh An Giang nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phú T, tỉnh An Giang.

[2.] Về nội dung:

Hôn nhân của Bà Tr và ông B được xác lập năm 2010 trên cơ sở tự tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của ông, bà là hôn nhân hợp pháp nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng.

Xét về yêu cầu ly hôn, thấy rằng: Trong thời gian chung sống vợ chồng ông B, Bà Tr có nhiều mâu thuẫn nên thường xuyên cãi vã, đời sống tình cảm vợ chồng ngày càng trầm trọng. Năm 2018 Bà Tr đã nộp đơn ly hôn hết một lần nhưng sau đó rút lại đơn, để vợ chồng có cơ hội hàn gắn tình cảm cũng như cho ông B thời gian để sửa đổi nhưng ông B vẫn không thay đổi. Tháng 05/2011 Bà Tr bỏ nhà đi, vợ chồng ly thân, trong thời gian ly thân ông B cũng không tới lui thăm hỏi vợ con, điều này chứng tỏ ông B không có ý hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Theo quy định tại Điều 19, Luật hôn nhân và gia đình 2014 quy định: “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau...*”. Thế nhưng vợ chồng Bà Tr, ông B không còn chung sống với nhau hơn mười năm nay là khoảng thời gian dài. Điều này chứng tỏ vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cũng như không thể chia sẻ công việc trong gia đình với nhau được nữa, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử thống nhất cho Bà Tr được ly hôn ông B.

[3] Về con chung: Bà Tr trình bày vợ chồng có 01 người con chung tên Lâm Ngọc M, sinh ngày 15/10/2010, con chung chưa thành niên tại bản tự khai ngày 11/12/2020 cháu Minh có nguyện vọng được sống với mẹ xét thấy từ khi ly thân đến nay cháu Minh sống với Bà Tr, có cuộc sống ổn định, nên tiếp tục giao cháu Minh cho Bà Tr nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Bà Tr không yêu cầu cấp dưỡng cho con. Ông B không ý kiến trình bày, không yêu cầu nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở.

Bà Tr trình bày tài sản chung, nợ chung không có nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nhưng sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ, chồng trong thời kỳ hôn nhân thì phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[4] Về án phí: Bà Tr phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227, Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

-Điều 19, Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

-Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

**Về quan hệ hôn nhân:** Chấp nhận cho Bà Phạm Thị Huỳnh Tr được ly hôn với Ông Lâm Gia B.

**Về con chung:** Bà Phạm Thị Huỳnh Tr được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung tên Lâm Ngọc M, sinh ngày 15/10/2010. Con chung hiện đang sống với Bà Tr. Ông Lâm Gia B không phải cấp dưỡng cho con.

Việc nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chưa thành niên không cố định

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở.

**Về tài sản chung:** Không.

**Nợ phải thu, phải trả chung của vợ chồng:** Không.

**Về án phí:** Bà Phạm Thị Huỳnh Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001525 ngày 06/10/2020 của Chi cục Thi hành án huyện Phú T, tỉnh An Giang. Bà Tr không phải nộp thêm án phí.

Ông Lâm Gia B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông B, Bà Tr vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo đối với bản án là 15 ngày tính từ ngày anh nhận được bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú T;
- Ủy ban nhân dân thị trấn Phú M;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Thị Ngọc Thảo**

